

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Ông H uỷ quyền cho bà N.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn CL, xã XL, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1965

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn CL, xã XL, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1992

2./ Nguyễn Diệu H2, sinh năm 1994

3./ Nguyễn Minh T, sinh năm 2009

Cùng trú tại: Thôn CL, xã XL, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

Anh H1, chị H2 uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970, trú tại: Thôn CL, xã XL, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị N và các con gồm: Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Diệu H2 và Nguyễn Minh T được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 800m²; Gắn vị trí: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc V, Tây giáp đất Nguyễn Quân, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp đất ông Nguyễn Quân, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 142 đã được UBND huyện S (nay là thị xã S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 109961 ngày 29/05/1997 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H. Vợ chồng ông H, bà N và các cháu: H, H2, T được quyền sở hữu đối với các loại cây có trên đất gồm: 12 cây dừa loại C, 02 cây keo trồng 4-5 năm, 02 cây sanh, 04 cây mít đang trong thời kỳ thu hoạch, 03 cây chuối, 02 cây xoài thời kỳ thu hoạch loại C, 01 cây dừa cao trồng từ 2 đến dưới 5 năm, 02 cây điệp, 02 cây măng cầu thời kỳ thu hoạch loại C, 08 cây thầu đâu và được quyền sở hữu 01 giếng bê tông cốt thép đường kính 0,8m, sâu 15 bọng và hàng rào lưới B40 không móng cao 1,4m, dài 78,39m.

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H , bà Nguyễn Thị N và các con: H1, H2 và T tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị L tổng số tiền là: 13.250.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Thời hạn giao tiền vào ngày 04/02/2018.

Ngày 04/02/2018 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị L đồng ý tháo dỡ nhà 01 nhà vệ sinh cấp 4, móng đá, mái lợp tôn, tường xây gạch 2,8m, diện tích 4,16 m² và tháo dỡ 02 trụ cổng xây gạch 0,4m x 0,4m, cao 1,8m, khối lượng khối xây 0,28 m³ để giao lại diện tích đất 800m² cho vợ chồng ông H, bà N và các con được quyền sử dụng đất.

Về chi phí định giá tài sản: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 1.750.000 đồng chi phí định giá tài sản, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị L thống nhất chịu 1.750.000 đồng chi phí định giá tài sản. Nhưng vợ chồng ông H, bà N đã nộp tạm ứng số tiền 3.500.000 đồng tiền chi phí định giá, nên vợ chồng ông V và bà L phải thanh toán lại cho vợ chồng ông H và bà N số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu: 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2015/0006289 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; hoàn trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị L tự nguyện chịu: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị An Nhiên